TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 3 - 2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Phong và ông Đỗ Quang Huy.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Tuấn Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 280/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXX - ST ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1977.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn T, xã Q, huyện P, Thành phố Hà Nội. Văng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1985.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn H, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1964.
- Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1991.
- Chị Bùi Thị Ngọc M, sinh năm 1995.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn H, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Đào Văn T trình bày:

Anh với chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau từ năm 2003 là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên năm 2008 anh đã làm đơn ly hôn chị C ra tại Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của TAND huyện P đã Quyết định:

"1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Đào Văn T1, sinh ngày 23/6/2005 và Đào Văn Q, sinh ngày 24/02/2007; tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T tới khi nào chị C yêu cầu. Anh T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về đất canh tác: Chị C sử dụng 270m^2 đất canh tác thuộc khu vực ao Cam, 160m^2 đất canh tác trong đồng và 36m^2 đất chân mạ thuộc thôn T, xã Q, huyện P, Hà Nội. Anh T sử dụng toàn bộ diện tích đất canh tác còn lại của vợ chồng.

- Về án phí: Anh T nộp 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại cơ quan thi hành án huyện P (Biên lai thu tiền số 002349 ngày 25/6/2008). Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.".

Sau đó chị C đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tái thẩm Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện P về phần con chung với lý do có căn cứ giám định ADN cháu Đào Văn Q có quan hệ huyết thống cha con với người khác.

Tại Quyết định tái thẩm số 32/2019/HNGĐ-TT ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã Quyết định: Hủy phần con chung của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

Nay quan điểm của anh về con chung là: Cháu Đào Văn T1, sinh ngày 23/6/2005 là con chung của anh với chị C nên anh đề nghị giao cho chị C nuôi dưỡng và anh xin tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi chị C có yêu cầu.

Đối với cháu Đào Văn Q, sinh ngày 24/02/2007, có căn cứ về việc cháu Q có huyết thống cha con với người khác mà không có quan hệ cha con với anh nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cháu Q không phải là con chung của anh với chị C.

Ngoài ra về phần ly hôn, tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác, án phí, anh vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung đã được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện P nên anh không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Anh đề nghị được vắng mặt quá trình tố tụng giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị kết hôn với anh Đào Văn T từ năm 2003 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hóa giải và hàn gắn được nên tháng 6/2008 anh T đã làm đơn ly hôn chị ra tại TAND huyện P.

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của TAND huyện P đã Quyết định:

"1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Đào Văn T1, sinh ngày 23/6/2005 và Đào Văn Q, sinh ngày 24/02/2007; tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T tới khi nào chị C yêu cầu. Anh T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về đất canh tác: Chị C sử dụng 270m^2 đất canh tác thuộc khu vực ao Cam, 160m^2 đất canh tác trong đồng và 36m^2 đất chân mạ thuộc thôn T, xã Q, huyện P, Hà Nội. Anh T sử dụng toàn bộ diện tích đất canh tác còn lại của vợ chồng.

- Về án phí: Anh T nộp 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại cơ quan thi hành án huyện P (Biên lai thu tiền số 002349 ngày 25/6/2008). Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.".

Sau khi ly hôn, chị nghi ngờ cháu Đào Văn Q không phải là con chung của chị với anh Đào Văn T mà là con chung của chị với ông Bùi Duy H1 nên chị đã đưa cháu Q đi giám định ADN huyết thống cha con với ông H1 và kết quả xác định cháu Q với ông H1 có huyết thống cha con. Vì vậy chị đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tái thẩm Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện P về phần con chung.

Tại Quyết định tái thẩm số 32/2019/HNGĐ-TT ngày 23/8/2019 của TAND cấp cao đã Quyết định: Hủy phần con chung của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của TAND huyện P, Thành phố Hà Nội trong vụ án "Hôn nhân và gia đình" giữa nguyên đơn anh Đào Văn T với chị đơn chị Nguyễn Thị C.

Quan điểm của chị hiện nay về con chung là: Chị xác định chị với anh Đào Văn T có 01 con chung là Đào Văn T1, sinh ngày 23/6/2005, chị đề nghị Tòa giao cháu Đào Văn T1 cho chị tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Đào Văn Q, sinh ngày 24/02/2007, do đã có kết quả giám định AND giữa cháu Q với ông Bùi Duy H1 có huyết thống cha con nên chị xác định cháu Quân không phải là con chung của chị với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết xác định cháu Quân không phải là con chung của chị với anh T.

Ngoài ra về phần ly hôn, tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác, án phí, chị vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung đã được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện P nên chị không có yêu cầu hay đề nghị gì.

Chị không đề nghị Tòa án giải quyết xác định ông Bùi Duy H1 là cha đẻ của cháu Đào Văn Q trong vụ án này mà chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án khác nếu có tranh chấp phát sinh.

Tại biên bản lấy lơi khai ngày 20/02/2020, những người có quyền và lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh N, chị Bùi Thị Thu Hà và chị Bùi Thị Ngọc Minh trình bày:

Bà Trần Thị Thanh N là vợ của ông Bùi Duy H1. Bà N và ông H1 có 02 con chung là Bùi Thị Ngọc M và Bùi Thị Thu H. Ông H1 đã chết ngày 27/12/2019, vì vậy bà N, chị Hà và chị M là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H1, ngoài ra không còn ai khác. Bà N, chị H và chị M đều nhất trí với nội dung tại phiếu kết quả phân tích ADN của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis ngày 04/8/2018 kết luận ông Bùi Duy H1 và cháu Đào Văn Q có quan hệ huyết thống cha – con. Bà N, chị H, chị M đều không có tranh chấp gì về xác định cha cho con hay xác định con cho cha giữa ông H1 và cháu Q, vì vậy đều không đề nghị Tòa án giải quyết về xác định cha cho con hay xác định con cho cha giữa ông H1 và cháu Q trong vụ án này. Trường hợp nếu có phát sinh tranh chấp về xác định cha cho con hay con cho cha giữa ông H1 với cháu Q thì bà N, chị Hà và chị Minh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

Ngoài ra bà N, chị Hà và chị M đều xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng vụ án và đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Căn cứ vào trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đặc biệt là Phiếu kết quả phân tích ADN, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 88 Luật hôn nhân và gia đình xử: Xác định anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị C có 01 con chung là Đào Văn T1, sinh ngày 23/6/2005; giao chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đào Văn T và tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh T; xác định anh Đào Văn T không phải là cha đẻ của cháu Đào Văn Q, sinh ngày 24/02/2007; về ly hôn, tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác, án phí đã được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện P có hiệu lực pháp luật nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình, tại thời điểm thụ lý vụ án năm 2008 cả nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã Q, huyện P, Thành phố Hà Nội nên TAND huyện P thụ lý, giải quyết lại vụ án theo Quyết định tái thẩm số 32/2019/HNGĐ – TT ngày 23/8/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn anh Đào Văn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh N, chị Bùi Thị Thu H và chị Bùi Thị Ngọc M: Quá trình tố tụng vụ án phía nguyên đơn anh T cùng những người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan bà N, chị H, chị M đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau năm 2003 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện P (Đăng ký kết hôn số 06 quyển số 01 ngày 28/3/2003). Quá trình chung sống do đã phát sinh mâu thuẫn nên năm 2008 anh T làm đơn ly hôn chị C ra tại TAND huyện P. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của TAND huyện P đã Quyết định:

"1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Đào Văn T1, sinh ngày 23/6/2005 và Đào Văn Q, sinh ngày 24/02/2007; tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T tới khi nào chị C yêu cầu. Anh T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị C, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về đất canh tác: Chị C sử dụng 270m^2 đất canh tác thuộc khu vực ao Cam, 160m^2 đất canh tác trong đồng và 36m^2 đất chân mạ thuộc thôn T, xã Q, huyện P, Hà Nội. Anh T sử dụng toàn bộ diện tích đất canh tác còn lại của vợ chồng.

- Về án phí: Anh T nộp 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại cơ quan thi hành án huyện P (Biên lai thu tiền số 002349 ngày 25/6/2008). Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.".

Ngày 20/9/2018 chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của TAND huyện P về phần con chung theo thủ thục tái thẩm.

Tại Quyết định tái thẩm số 32/2019/HNGĐ-TT ngày 23/8/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã Quyết định:

"Hủy phần con chung của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nộ trong vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là anh Đào Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị C.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.".

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong thời kỳ hôn nhân với anh Đào Văn T, chị Nguyễn Thị C sinh được 02 con là Đào Văn T1, sinh ngày 23/6/2005 và Đào Văn Q, sinh ngày 24/02/2007. Song, quá trình tố tụng vụ án phía anh T và chị C đều thừa nhận cháu T1 là con chung của anh, chị, riêng cháu Q không phải là con của anh T.

Trình bày của chị C và anh T phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là Phiếu kết quả phân tích ADN của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền Gentis ngày 04/8/2018 kết luận: Ông Bùi Duy H1, sinh năm 1958 trú tại thôn H, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam và cháu Đào Văn Q có quan hệ huyết thống cha – con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định anh Đào Văn T và chị Nguyễn

Thị C có 01 con chung là Đào Văn T1, sinh ngày 23/6/2005; anh Đào Văn T không phải là cha đẻ của cháu Đào Văn Q, sinh ngày 24/02/2007.

Quá trình tố tụng cả chị C và anh T đều có quan điểm giao con chung Đào Văn T1 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, mặt khác cháu T1 đang ở cùng chị C và có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng chị C. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và tính ổn định trong sự phát triển của con chung, cần căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Đào Văn T1, sinh ngày 23/6/2005 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về ly hôn, tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác, án phí đã được giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 33/2008/QĐST – HNGĐ ngày 18/8/2008 của Tòa án nhân dân huyện P có hiệu lực pháp luật nên không xem xét.

Về việc xác định cha cho con hoặc xác định con cho cha giữa ông Bùi Duy H1 và cháu Đào Văn Q, do các đương sự không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét trong vụ án này và sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu có tranh chấp phát sinh.

[3] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. Giao con chung của anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị C là Đào Văn T1, sinh ngày 23/6/2005 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm miễn cho anh Đào Văn T việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Đào Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Xác định anh Đào Văn T không phải là cha đẻ của Đào Văn Q, sinh ngày 24/02/2007.

Án xử công khai sơ thẩm, báo bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành an được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Anh Phương